FireAnt

CTCP Sonadezi Châu Đức (HSX: SZC)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	41,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	46,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	34,200
SL cổ phiếu LH	119,999,961
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,062,525
% sở hữu nước ngoài	2.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,980
P/E	13.7
EPS	3,028

	YTD	1T	3T	6T
SZC	-2.4%	-9.6%	-3.5%	10.2%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

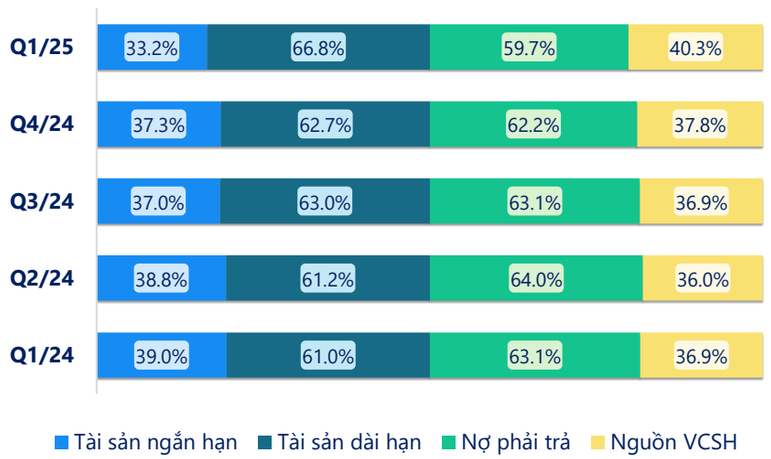

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

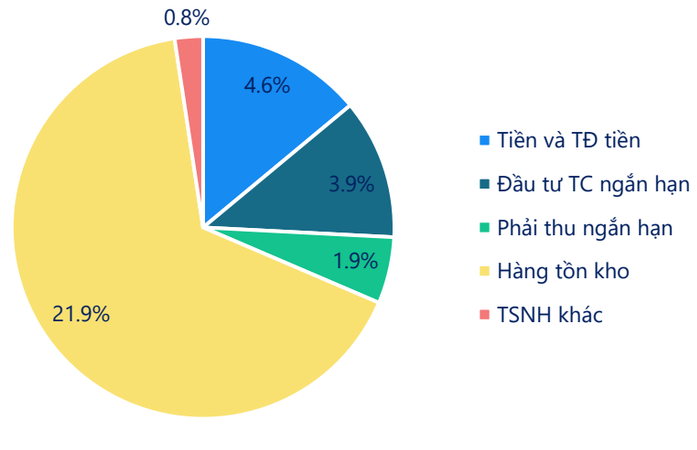

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

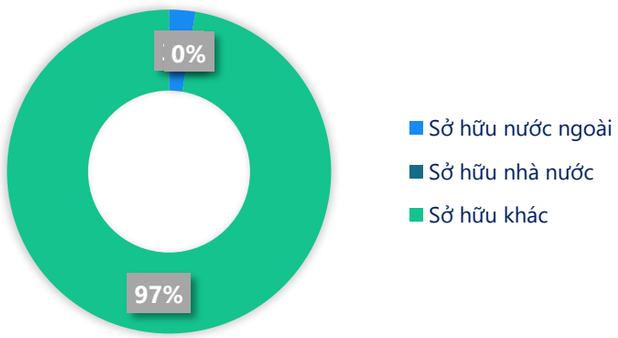

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

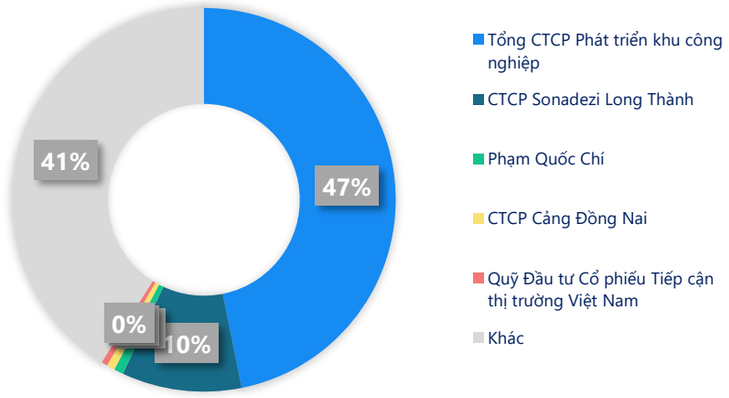

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

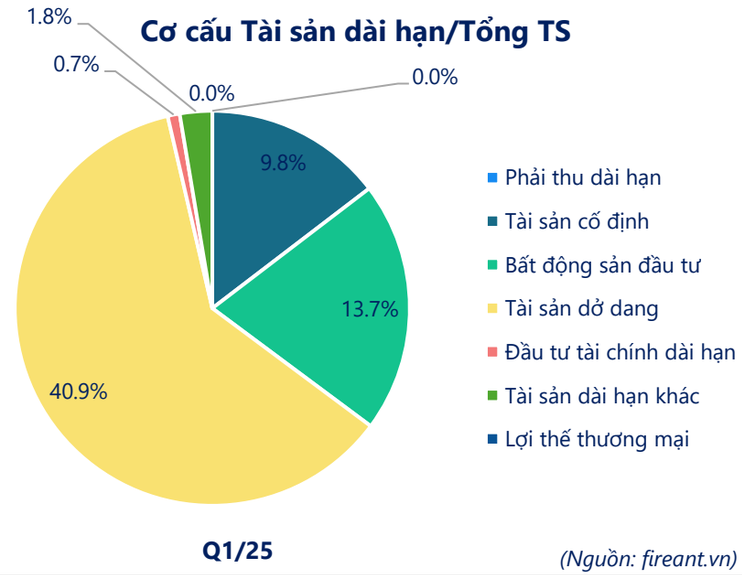

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Sonadezi Châu Đức (HSX: SZC)

Tiền và tương đương tiền

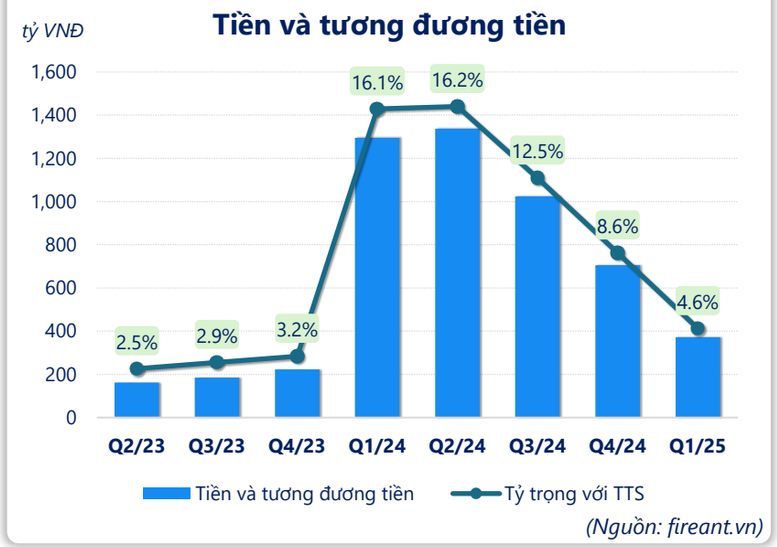

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

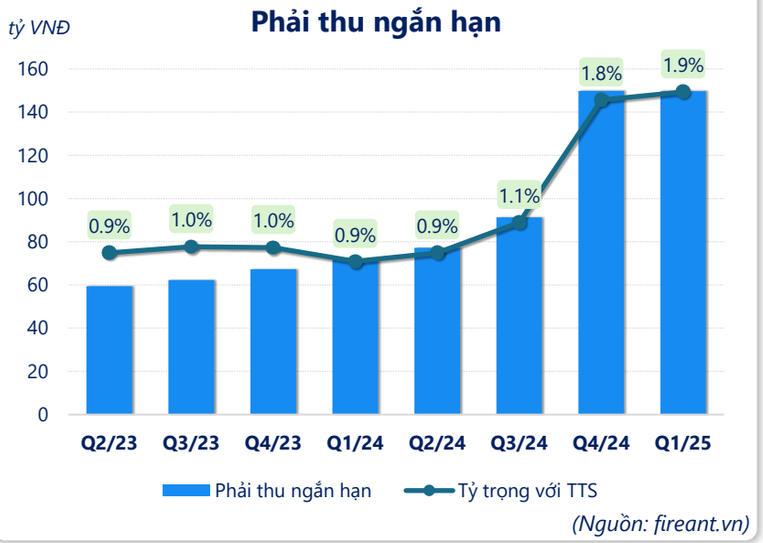

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

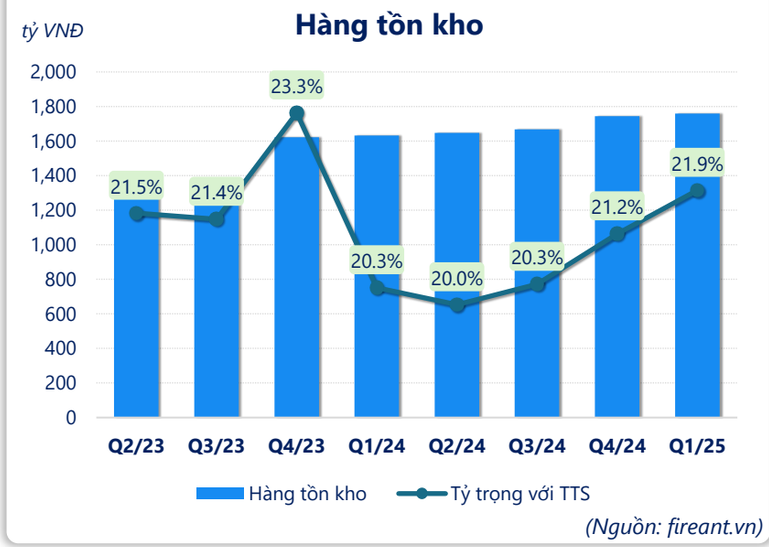

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

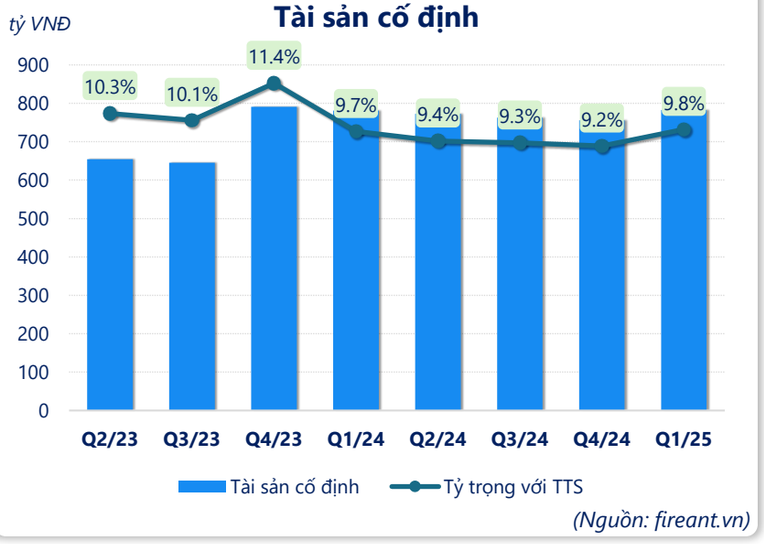

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

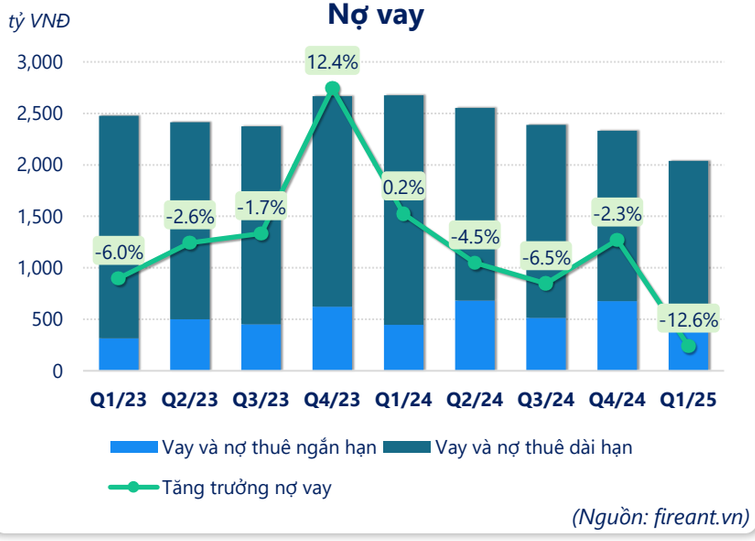

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

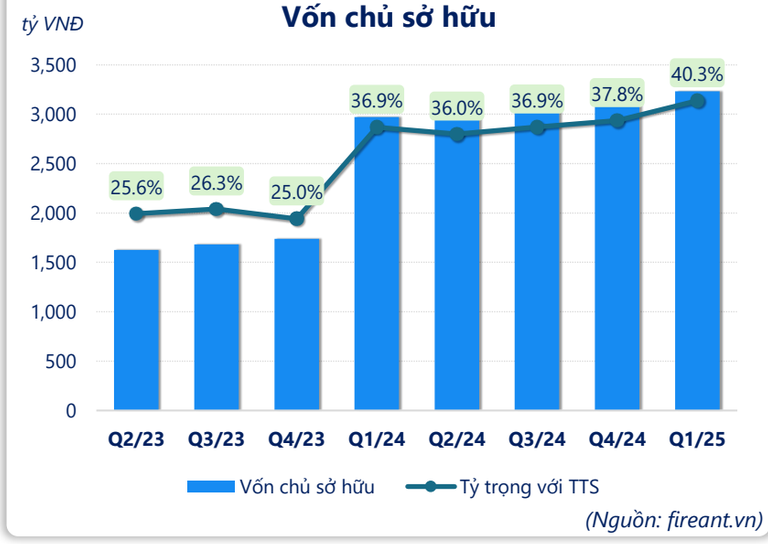

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Sonadezi Châu Đức (HSX: SZC)

Kết quả kinh doanh

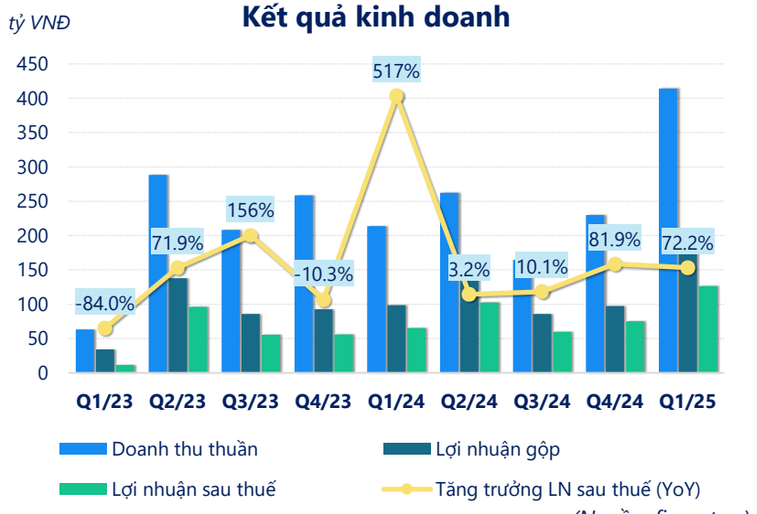

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

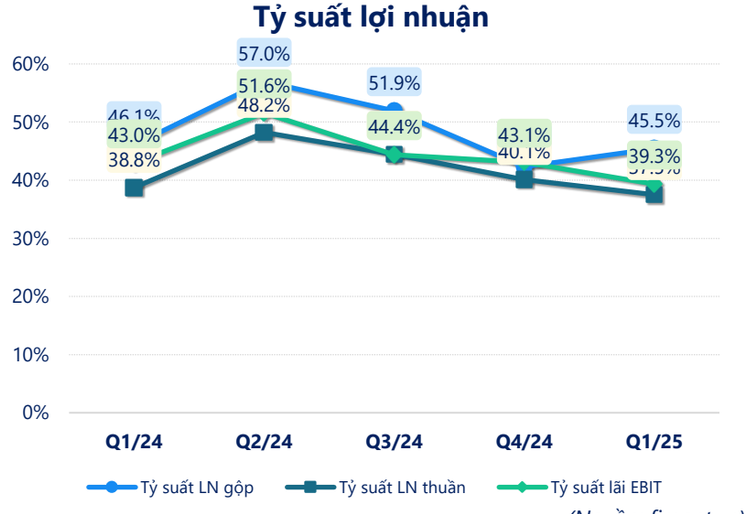

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

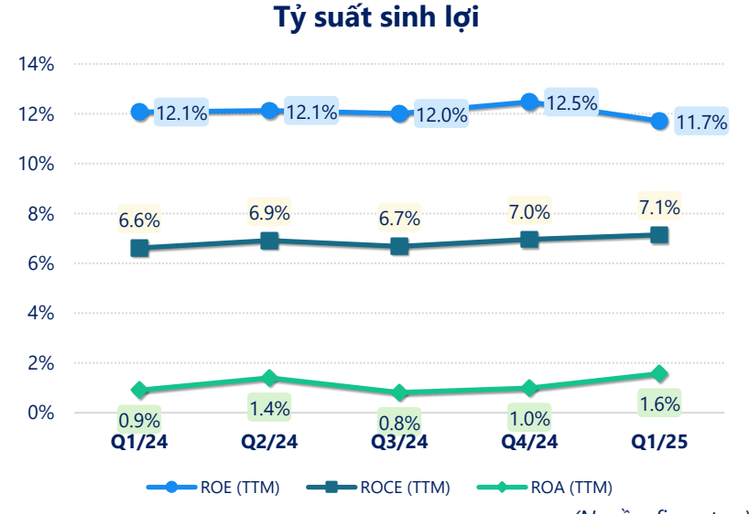

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

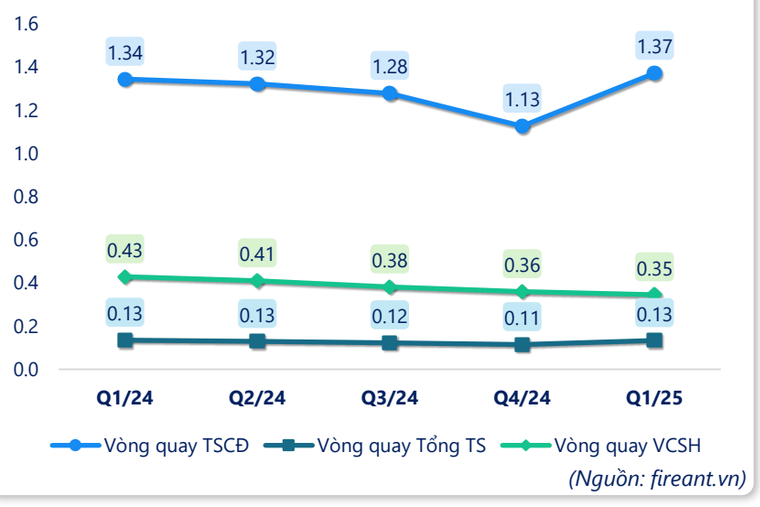

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

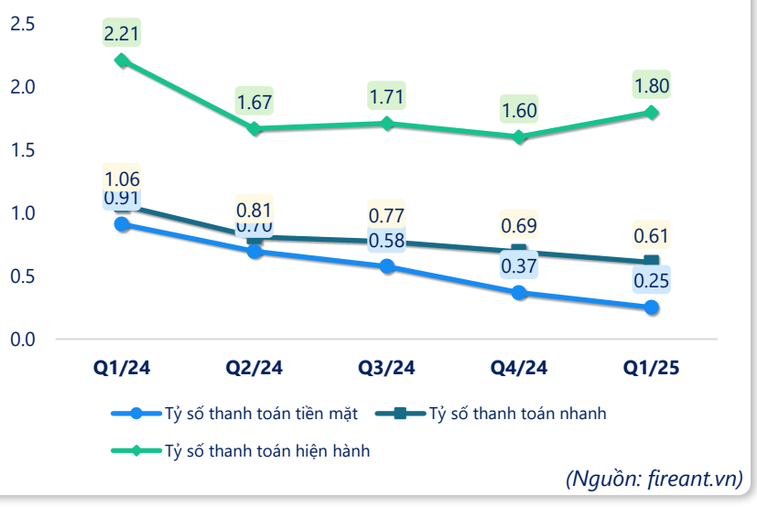

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

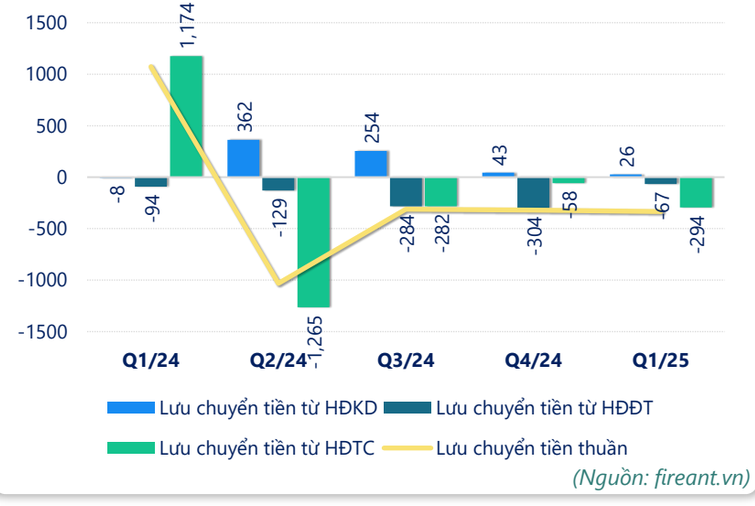

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Sonadezi Châu Đức (HSX: SZC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**8,012**	**8,226**	**-2.6%**
Tài sản ngắn hạn	2,658	3,067	-13.3%
Tiền và tương đương tiền	371	705	-47.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	315	335	-6.0%
Phải thu ngắn hạn	150	150	-0.1%
Hàng tồn kho	1,758	1,743	0.9%
Tài sản ngắn hạn khác	63.5	134	-52.6%
Tài sản dài hạn	**5,355**	**5,159**	**3.8%**
Phải thu dài hạn	0.32	0.32	0.0%
Tài sản cố định	782	756	3.5%
Bất động sản đầu tư	1,101	1,120	-1.7%
Tài sản dở dang	3,276	3,148	4.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	52.8	52.8	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**142**	**82.1**	**72.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,781	5,120	-6.6%
Nợ ngắn hạn	**1,478**	**1,912**	**-22.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	382	676	-43.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	272	180	51.2%
Nợ dài hạn	3,303	3,209	2.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,657	1,657	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,232**	**3,106**	**4.1%**
Vốn chủ sở hữu	**3,232**	**3,106**	**4.1%**
Vốn điều lệ	1,800	1,800	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	214	262	165	230	414
Giá vốn hàng bán	115	113	79.2	133	226
Lợi nhuận gộp	98.5	150	85.6	97.2	188
Doanh thu HĐTC	2.94	1.15	15.1	20.8	6.41
Chi phí TC	9.35	10.3	8.29	6.65	6.20
Chi phí lãi vay	9.14	8.90	0	6.65	6.20
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.14	0.34	2.39	2.18	12.1
Chi phí QLDN	9.12	13.5	16.8	17.1	21.0
LN thuần từ HĐKD	82.8	127	73.2	92.2	155
Lợi nhuận khác	-0.13	-0.10	-0.09	0.14	1.32
LN trước thuế	82.7	126	73.1	92.3	157
Lợi nhuận sau thuế	65.1	102	59.6	75.2	126
LNST của CĐ cty mẹ	65.1	102	59.6	75.2	126

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-7.73	362	254	42.7	26.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-93.9	-129	-284	-304	-66.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,174	-1,265	-282	-57.5	-294
Tiền đầu kỳ	222	1,295	1,337	1,024	705
Lưu chuyển tiền thuần	**1,073**	**-1,031**	**-313**	**-319**	**-334**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.04	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	1,295	1,337	1,024	705	371

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic